

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 9 - 2023

V/v: Ly hôn giữa ông Hà và bà Hiền

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Tuyên và bà Đỗ Thị Thu Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Khuông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy:** Bà Đặng Thị Xuân Mai – kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 36B/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Vũ Quang H, sinh năm 1967 – *Đề nghị giải quyết vắng mặt*

Địa chỉ: thôn S, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1972 – *Đề nghị giải quyết vắng mặt*

Địa chỉ: thôn S, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 06/5/2023, ý kiến tại phiên hoà giải và đơn gửi Tòa án, nguyên đơn là ông Vũ Quang H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị H1 cùng quê với nhau, tự nguyện tìm hiểu khi cả hai chưa đăng ký kết hôn lần nào, đều có sức khoẻ bình thường, không bị ai cưỡng ép, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, tự nguyện đến Ủy ban nhân dân xã Thụy Văn để đăng ký kết hôn với nhau và đã được Ủy ban nhân dân xã Thụy Văn cấp chứng nhận kết hôn số 09 ngày 31/01/1989. Sau khi kết hôn, tôi và bà Lê Thị H1 làm ăn, cư trú ổn định, tổ chức cuộc sống gia đình ở tại thôn S, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống vợ chồng đã có con cái, nhà cửa có tạo lập được tài sản, cuộc sống chung bình thường đến khoảng từ tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau và từ đó ly thân. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Lê Thị H1

Về con chung: Ông và bà Lê Thị H1 có hai con chung là Vũ Thị Thanh H2, sinh ngày 10/12/1989 và Vũ Đình H3, sinh ngày 16/7/1992, cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi, khoẻ mạnh, bình thường nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết về phân chia tài sản chung, ông và bà Lê Thị H1 không nợ ai nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2023, đơn đề ngày 24/8/2023, bà Lê Thị H1 trình bày*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Quang H tự nguyện tìm hiểu khi cả hai chưa đăng ký kết hôn lần nào, đều có sức khoẻ bình thường, không bị ai ép buộc được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, tự nguyện đến Uỷ ban nhân dân xã Thụy Văn để đăng ký kết hôn với nhau và đã được Uỷ ban nhân dân xã Thụy Văn cấp chứng nhận kết hôn số 09 ngày 31/01/1989. Sau khi kết hôn bà và ông Vũ Quang H làm ăn, cư trú ổn định, tổ chức cuộc sống gia đình ở tại thôn S, xã V, huyện T, tỉnh tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống vợ chồng đã có con cái, nhà cửa có tạo lập được tài sản, cuộc sống chung bình thường đến khoảng từ tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau và từ đó ly thân. Nay bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà ly hôn ông Vũ Quang H

Về việc nuôi dưỡng con chung: Bà và ông Vũ Quang H có hai con chung là Vũ Thị Thanh H2, sinh ngày 10/12/1989 và Vũ Đình H3, sinh ngày 16/7/1992, cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi, khoẻ mạnh, bình thường nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết về phân chia tài sản chung, bà và ông Vũ Quang H không nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết

** Xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Thụy Văn có nội dung:* Ông Vũ Quang H và bà Lê Thị H1 cùng quê với nhau, tự nguyện tìm hiểu khi cả hai chưa đăng ký kết hôn lần nào, đều có sức khoẻ bình thường, không bị ai ép buộc. Được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, tự nguyện đến Uỷ ban nhân dân xã Thụy Văn để đăng ký kết hôn với nhau và đã được Uỷ ban nhân dân xã Thụy Văn cấp chứng nhận kết hôn số 09 ngày 31/01/1989. Sau khi kết hôn, ông Vũ Quang H và bà Lê Thị H1 làm ăn, cư trú ổn định, tổ chức cuộc sống gia đình ở tại thôn S, xã V, huyện T, tỉnh tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống từ khi đăng ký kết hôn đến nay ông, bà đã có hai con chung trưởng thành, có tạo lập được tài sản, cuộc sống chung bình thường đến khoảng từ tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau và từ đó ly thân. Sau khi kiểm tra lại sổ sách lưu trữ và trích lục kết hôn đã cấp cho ông Vũ Quang H và bà Lê Thị H1 thì xác định thời điểm được Uỷ ban nhân dân xã Thụy Văn chứng nhận kết hôn vào ngày 31/9/1989, khi đó ông Vũ Quang H sinh ngày 28/7/1967 (đã trên 20 tuổi), bà Lê Thị H1 sinh ngày 07/7/1972 chưa bước sang tuổi 18 theo quy định về độ tuổi đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Việc kết hôn của hai ông bà chỉ vi phạm về tuổi, không vi phạm các điều cấm khác của pháp luật, từ khi kết hôn đến

nay hai bên có quan hệ Hôn nhân bình thường đến 2016 thì mới phát sinh mâu thuẫn và nay đều có yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận Hôn nhân và giải quyết ly hôn cho ông Vũ Quang H và bà Lê Thị H1.

Do bà Lê Thị H1 vắng mặt tại phiên hoà giải nên không hoà giải được phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 quy định hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông Vũ Quang H ly hôn bà Lê Thị H1; Về con chung: ông Vũ Quang H và bà Lê Thị H1 hai con chung là Vũ Thị Thanh H2, sinh ngày 10/12/1989 và Vũ Đình H3, sinh ngày 16/7/1992, do các con chung đều trên 18 tuổi nên không đặt ra việc giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Ông Vũ Quang H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Vũ Quang H và bà Lê Thị H1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Quang H và bà Lê Thị H1 đăng ký kết hôn với nhau và đã được Ủy ban nhân dân xã Thụy Văn cấp chứng nhận kết hôn số 09 ngày 31/01/1989, thời điểm này ông Vũ Quang H đã trên 20 tuổi, bà Lê Thị H1 sinh ngày 07/7/1972 chưa bước sang tuổi 18. Lẽ ra từ ngày 08/7/1989 bà Lê Thị H1 bước sang tuổi 18 mới đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Qua xác minh, việc kết hôn của hai ông bà chỉ vi phạm về tuổi, không vi phạm các điều cấm khác của pháp luật, quá trình chung sống từ khi đăng ký kết hôn cuộc sống chung hai bên bình thường đến khoảng tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau dẫn tới ly thân nay cả hai đều có quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Vũ Quang H và bà Lê Thị H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 quy định hướng

dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình công nhận hôn nhân và xử cho ông Vũ Quang H ly hôn bà Lê Thị H1.

[2.2]. *Về con chung*: Ông Vũ Quang H và bà Lê Thị H1 có hai con chung là Vũ Thị Thanh H2, sinh ngày 10/12/1989 và Vũ Đình H3, sinh ngày 16/7/1992, cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường nên không đặt ra việc giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*: Do các đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, ông Vũ Quang H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

Quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 quy định hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Vũ Quang H ly hôn bà Lê Thị H1

2. Về con chung: Ông Vũ Quang H và bà Lê Thị H1 có hai con chung là Vũ Thị Thanh H2, sinh ngày 10/12/1989 và Vũ Đình H3, sinh ngày 16/7/1992, cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường nên không đặt ra việc giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng

3. Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Vũ Quang H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0005387 ngày 1/7/2023. Ông Vũ Quang H đã nộp đủ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm

5. Quyền kháng cáo: Ông Vũ Quang H và bà Lê Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện Thái Thụy;
- UBND xã Thụy Văn (nơi ĐKKH)
- Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

